

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ II – SINH 11

A. TRẮC NGHIỆM

BÀI 17. CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT

Câu 1: Synapse là

- A. diện tiếp xúc giữa các tế bào thần kinh với tế bào thần kinh hoặc giữa tế bào thần kinh với cơ quan thực hiện cảm xúc.
- B. diện tiếp xúc giữa các tế bào thần kinh với tế bào thực vật hoặc giữa tế bào thần kinh với tế bào khác.
- C. diện tiếp xúc giữa các tế bào thần kinh với tế bào thần kinh hoặc giữa tế bào thần kinh với môi trường bên ngoài.
- D. diện tiếp xúc giữa các tế bào thần kinh với tế bào thần kinh hoặc giữa tế bào thần kinh với tế bào khác.

Câu 2: Nguồn gốc của phản xạ không điều kiện là

- A. do huấn luyện mà có.
- B. do tập tính xã hội.
- C. do mẹ dạy con.
- D. do bẩm sinh.

Câu 3: Nguồn gốc của phản xạ có điều kiện là

- A. hình thành trong quá trình sống.
- B. bẩm sinh
- C. do gene mã hóa quy định.
- D. do con người

Câu 4: Những bệnh nào sau đây là bệnh liên quan đến hệ thần kinh?

- A. U phổi, viêm họng,...
- B. Parkinson, Alzheimer;...
- C. Tim mạch, xơ vữa động mạch,....
- D. Máu trắng, hồng cầu lưỡi liềm,....

Câu 5: Vai trò của xúc giác trong cung phản xạ là

- A. Nhận biết loại thức ăn có thể và không thể ăn, cảm nhận các vị quen thuộc như ngọt, mặn, chua, đắng và ngọt thịt.
- B. Nhận biết cảm giác về mùi của các phân tử tồn tại trong không khí, ngoài ra còn có tác dụng trong việc thăm dò môi trường như phát hiện kẻ thù, con mồi, đồng loại,...
- C. Tiếp nhận sự va chạm, áp suất, rung động, chuyển động được tiếp nhận bởi các thụ thể.
- D. Tiếp nhận và truyền đạt đến não các thông tin về dung lượng và độ cao của âm thanh.

Câu 6: Quá trình truyền tin qua synapse diễn ra theo trật tự nào sau đây?

- A. Khe synapse → màng trước synapse → chùy synapse → màng sau synapse.
- B. Chùy synapse → màng trước synapse → khe synapse → màng sau synapse.
- C. Màng sau synapse → khe synapse → chùy synapse → màng trước synapse.
- D. Màng trước synapse → chùy synapse → khe synapse → màng sau synapse.

Câu 7: Cung phản xạ diễn ra theo trật tự:

- A. bộ phận tiếp nhận kích thích → bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin → bộ phận phản hồi thông tin.
- B. bộ phận tiếp nhận kích thích → bộ phận thực hiện phản ứng → bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin → bộ phận phản hồi thông tin.
- C. bộ phận tiếp nhận kích thích → bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin → bộ phận thực hiện phản ứng
- D. bộ phận tiếp nhận kích thích → bộ phận trả lời kích thích → bộ phận thực hiện phản ứng.

Câu 8: Điều gì xảy ra tuần tự khi xung thần kinh được truyền từ khớp thần kinh của một tế bào thần kinh đến tế bào thần kinh sau synapse?

- A. Xung thần kinh được truyền bên cạnh sợi trục của nơron trước synapse.
- B. Xung thần kinh được truyền đến sợi trục của nơron sau synapse.
- C. Xung thần kinh được truyền đến tế bào thần kinh sau synapse bằng một kết nối trực tiếp giữa hai tế bào.
- D. Các túi synap giải phóng các chất dẫn truyền thần kinh vào khe synap bằng quá trình xuất bào.

Câu 9: Cấu tạo của tế bào thần kinh gồm

- A. thân, sợi cong, sợi nhánh.
- B. thân, sợi nhánh, sợi trục.
- C. đầu, thân, nhánh.
- D. đầu, nhánh, trục.

Câu 10: Điều **không** đúng với đặc điểm phản xạ có điều kiện là

- A. được hình thành trong quá trình sống và không bền vững.
- B. không di truyền được, mang tính cá thể.
- C. có số lượng hạn chế.
- D. thường do vỏ não điều khiển.

Câu 11: Cảm ứng của động vật là khả năng cơ thể động vật phản ứng lại các kích thích

- A. của một số tác nhân môi trường sống, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.
- B. của môi trường sống, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.
- C. định hướng của môi trường sống, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.
- D. của môi trường (bên trong và bên ngoài cơ thể) để tồn tại và phát triển.

Câu 12: Phản xạ phức tạp thường là phản xạ

- A. có điều kiện, do một số ít tế bào thần kinh tham gia, trong đó có các tế bào vỏ não.
- B. không điều kiện, do một số lượng lớn tế bào thần kinh tham gia, trong đó có các tế bào vỏ não.
- C. có điều kiện, do một số lượng lớn tế bào thần kinh tham gia, trong đó có các tế bào tủy sống.
- D. có điều kiện, do một số lượng lớn tế bào thần kinh tham gia, trong đó có các tế bào vỏ não.

Câu 13: Khi bị kích thích, thủy tức phản ứng bằng cách

- A. trả lời kích thích cục bộ.
- B. co toàn bộ cơ thể.
- C. co rút chất nguyên sinh.
- D. chuyển động cả cơ thể.

Câu 14: Trong các phát biểu sau:

- (1) phản xạ chỉ có ở những sinh vật có hệ thần kinh
- (2) phản xạ được thực hiện nhờ cung phản xạ
- (3) phản xạ được coi là một dạng điển hình của cảm ứng
- (4) phản xạ là khái niệm rộng hơn cảm ứng

Các phát biểu đúng về phản xạ là:

- A. (1), (2) và (4)
- B. (1), (2), (3) và (4)
- C. (2), (3) và (4)
- D. (1), (2) và (3)

Câu 15: Những phản xạ nào sau đây thuộc loại phản xạ có điều kiện?

- (1) Khi thấy rắn thì mọi người đều bỏ chạy
- (2) Cá bơi lên mặt nước khi nghe tiếng kèng của người nuôi cá
- (3) Khiêng vật nặng cơ thể bị ra mồ hôi
- (4) Khi ở trong môi trường có nhiệt độ thấp, nếu mặc không đủ ấm thì cơ thể sẽ bị run rẩy
- (5) Tinh tinh dùng que để bắt mối trong tổ ra ăn

- A. 1, 2, 5
- B. 1, 2, 3, 4
- C. 2, 3, 4, 5
- D. 1, 2, 3, 4, 5

Câu 16: Trong các đặc điểm sau, những đặc điểm nào có ở cảm ứng của động vật ?

- (1) phản ứng chậm
- (2) phản ứng khó nhận thấy
- (3) phản ứng nhanh
- (4) hình thức phản ứng kém đa dạng
- (5) hình thức phản ứng đa dạng
- (6) phản ứng dễ nhận thấy

Phương án trả lời đúng là :

- A. (1), (4) và (5)
- B. (3), (4) và (5)
- C. (2), (4) và (5)
- D. (3), (5) và (6)

Câu 17: Phản xạ nào sau đây là phản xạ có điều kiện?

- A. Tập thể dục vào buổi sáng sớm.
- B. Ăn cơm tiết nước bọt.
- C. Em bé co ngón tay lại khi bị kim châm.
- D. Nóng thì chảy mồ hôi.

Câu 18: Khi chạm tay phải gai nhọn, trật tự nào sau đây mô tả đúng cung phản xạ co ngón tay?

- A. Thụ quan đau ở da → sợi vận động của dây thần kinh tủy → tủy sống → sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → các cơ ngón tay.
- B. Thụ quan đau ở da → sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → tủy sống → các cơ ngón tay.
- C. Thụ quan đau ở da → sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → tủy sống → sợi vận động của dây thần kinh tủy → các cơ ngón tay.
- D. Thụ quan đau ở da → tủy sống → sợi vận động của dây thần kinh tủy → các cơ ngón tay.

BÀI 18. TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT

Câu 1: Xét các đặc điểm sau:

- (1) Có sự thay đổi linh hoạt trong đời sống cá thể
- (2) Rất bền vững và không thay đổi
- (3) Là tập hợp các phản xạ không điều kiện
- (4) Do kiểu gen quy định

Trong các đặc điểm trên, những đặc điểm của tập tính bẩm sinh gồm:

- A. (1) và (2) B. (2) và (3) C. (2), (3) và (4) D. (1), (2) và (4)

Câu 2: Ve sầu kêu vào mùa hè oi ả, ếch đực kêu vào mùa sinh sản là tập tính

- A. học được. B. bẩm sinh. C. hỗn hợp. D. vừa bẩm sinh, vừa hỗn hợp.

Câu 3: Tập tính động vật là

- A. một số phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại
- B. chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường bên ngoài cơ thể, nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại
- C. những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại
- D. chuỗi phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

Câu 4: Phản xạ phức tạp thường là phản xạ

- A. có điều kiện, do một số ít tế bào thần kinh tham gia, trong đó có các tế bào vỏ não
- B. không điều kiện, do một số lượng lớn tế bào thần kinh tham gia, trong đó có các tế bào vỏ não
- C. có điều kiện, do một số lượng lớn tế bào thần kinh tham gia, trong đó có các tế bào tủy sống
- D. có điều kiện, do một số lượng lớn tế bào thần kinh tham gia, trong đó có các tế bào vỏ não

Câu 5: Xét các tập tính sau :

- (1) người thấy đèn đỏ thì dừng lại
- (2) Chuột chạy khi nghe tiếng mèo kêu
- (3) Ve kêu vào mùa hè
- (4) Học sinh nghe kể chuyện cảm động thì khóc
- (5) Ếch đực kêu vào mùa sinh sản

Trong các trường hợp trên, những tập tính bẩm sinh là

- A. (2) và (5) B. (3) và (5) C. (3) và (4) D. (4) và (5)

Câu 6: Cho các tập tính sau ở động vật:

- | | |
|---|----------------------------------|
| (1) Sự di cư của cá hồi | (2) Báo săn mồi |
| (3) Nhện giăng tơ | (4) Vẹt nói được tiếng người |
| (5) Vỗ tay, cá nổi lên mặt nước tìm thức ăn | (6) Ếch đực kêu vào mùa sinh sản |
| (7) Xiếc chó làm toán | (8) Ve kêu vào mùa hè |

Tập tính học được là

- A. (2), (4), (5), (7). B. (3), (4), (5), (7). C. (2), (4), (6), (7). D. (2), (4), (5), (8).

Câu 7: Tập tính học được ở động vật đặc điểm là

- A. suốt đời không đổi. B. sinh ra đã có.
C. được truyền từ đời trước sang đời sau. D. phải học trong đời sống mới có được.

Câu 8: Người ta làm thí nghiệm nuôi các chim non trong một vùng rộng lớn mà không có chim bố mẹ. Đến khi trưởng thành, các chim con cũng tha rác và có về một chỗ nhưng chúng không làm được to. Điều này chứng tỏ

- A. sự chăm sóc của con người đã làm mất bản năng làm tổ ở chim.
B. tập tính làm tổ được hình thành qua quá trình học tập.
C. tập tính làm tổ vừa mang tính bẩm sinh, vừa phải học tập.
D. chỉ những cá thể đã qua sinh sản mới biết làm tổ.

Câu 9: Hươu đực quạt đuôi có mùi đặc biệt tiết ra từ tuyến cạnh mắt của nó vào cành cây để thông báo cho các con đực khác là tập tính

- A. kiếm ăn B. sinh sản C. di cư D. bảo vệ lãnh thổ

Câu 10: Trong các nguyên nhân sau đây, có bao nhiêu nguyên nhân dẫn đến tập tính di cư của động vật?

- (1) thức ăn
(2) hoạt động sinh sản
(3) hướng nước chảy
(4) thời tiết không thuận lợi

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 11: Tập tính đảm bảo cho sự thành công của sinh sản. Đúng hay sai?

- A. Không đủ điều kiện để kết luận.
B. Sai, tập tính chỉ mang tính chất riêng biệt.
C. Sai, sinh sản không liên quan đến tập tính.
D. Đúng.

Câu 12: Tập tính học được là loại tập tính được hình thành trong quá trình

- A. sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.
B. phát triển của loài, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.
C. sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, được di truyền.
D. sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, đặc trưng cho loài.

Câu 13: Tập tính bẩm sinh là những tập tính

- A. sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho cá thể.
B. được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho cá thể hoặc đặc trưng cho loài.
C. học được trong đời sống, không có tính di truyền, mang tính cá thể.
D. sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

Câu 14: Ví dụ nào sau đây **không phải** là ví dụ về tập tính học được?

- A.Ếch đực kêu vào mùa sinh sản.
B. Chuột nghe thấy tiếng mèo kêu phải chạy xa.
C. Con mèo ngửi thấy mùi cá là chạy tới gần.
D. Chim sâu thấy bọ nẹt không dám ăn.

Câu 15: Đâu là tập tính học được (thứ sinh) ở động vật?

- A. Khi nhìn thấy đèn giao thông màu đỏ, những người qua đường dừng lại.
B. Nhện chăng tơ.
C. Thú con bú sữa mẹ.
D. Hổ săn mồi.

Câu 16: Một số loài chim di cư ban đêm sử dụng bầu trời đêm như một la bàn. Nếu như chim non được nuôi dưỡng dưới một bầu trời đêm nhân tạo không có sao (hoặc có các ngôi sao lớn mất tích) trong vài tháng sau khi nở, chúng không thể di chuyển đúng hướng.

- A. In vết B. Điều kiện hóa đáp ứng C. Thói quen D. Học tập

Câu 17: Những chú Mòng biển non cúi mình trong làm tổ khi có con chim nào bay qua đầu. Gà con lớn hơn chỉ cúi xuống khi một con chim lạ bay trên đầu.

A. In vết

B. Săn mồi

C. Học tập

D. Quen nhờn

BÀI 19. KHÁI QUÁT VỀ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT

Câu 1: Sinh trưởng là gì?

A. Quá trình tăng kích thước và tuổi của sinh vật.

B. Quá trình tăng kích thước và khối lượng cơ thể.

C. Quá trình tăng trọng lượng và tuổi tác của sinh vật.

D. Quá trình tăng số lượng và tuổi tác của sinh vật.

Câu 2: Quá trình phát triển của một sinh vật sinh sản hữu tính bắt đầu từ

A. phân bào.

B. giảm phân.

C. bào tử.

D. hợp tử.

Câu 3: Phát triển là gì?

A. Toàn bộ những biến đổi diễn ra bên ngoài của cá thể, gồm thay đổi chiều cao và cân nặng.

B. Toàn bộ những biến đổi diễn ra bên ngoài cơ thể của cá thể, gồm thay đổi về số lượng, cấu trúc của tế bào, hình thái, trạng thái sinh lý.

C. Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kỳ sống của cá thể, gồm chiều cao, cân nặng.

D. Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kỳ sống của cá thể, gồm thay đổi về số lượng, cấu trúc của tế bào, hình thái, trạng thái sinh lý.

Câu 4 : Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình trong cơ thể sống có mối quan hệ mật thiết với nhau như thế nào?

A. Sinh trưởng tạo tiền đề cho phát triển, phát triển sẽ thúc đẩy sinh trưởng.

B. Phát triển tạo tiền đề cho sinh trưởng, làm nền tảng cho phát triển.

C. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình độc lập, không liên quan đến nhau.

D. Sinh trưởng và phát triển mâu thuẫn với nhau.

Câu 5: Vòng đời là

A. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể chết đi, sinh ra, lớn lên để con và chết đi.

B. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo cơ thể mới, già rồi chết đi.

C. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo cơ thể mới.

D. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể sinh ra và chết đi.

Câu 6: Dấu hiệu nào dưới đây **không** thể hiện sự sinh trưởng ở cây cam?

A. Từ hạt nảy mầm biến đổi thành cây con.

B. Từ một quả cam thành hai quả cam.

C. Từ một cây con ban đầu thành cây trưởng thành.

D. Từ hạt thành hạt nảy mầm.

Câu 7: Tuổi thọ của sinh vật là

A. thời gian tán tỉnh bạn tình của sinh vật.

B. thời gian sinh con của sinh vật.

C. thời gian mà sinh vật chết.

D. thời gian sống của sinh vật.

Câu 8: Biến đổi nào dưới đây diễn ra trong đời sống của con ếch thể hiện sự phát triển?

A. Mắt tiêu biến khi lên bờ.

B. Da ếch trần, mềm, ẩm thích nghi với môi trường sống.

C. Từ ấu trùng có đuôi (nòng nọc) rụng đuôi và trở thành ếch trưởng thành.

D. Hình thành vây bơi để bơi dưới nước.

BÀI 20. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT

Câu 1: Ở cây Hai lá mầm, tính từ ngọn đến rễ là các loại mô phân sinh theo thứ tự:

- A. mô phân sinh đỉnh ngọn → mô phân sinh bên → mô phân sinh đỉnh rễ.
- B. mô phân sinh đỉnh ngọn → mô phân sinh đỉnh rễ → mô phân sinh bên.
- C. mô phân sinh đỉnh rễ → mô phân sinh bên → mô phân sinh lông.
- D. mô phân sinh bên → mô phân sinh đỉnh ngọn → mô phân sinh đỉnh rễ.

Câu 2: Phát biểu đúng về mô phân sinh bên và mô phân sinh lông là

- A. mô phân sinh bên và mô phân sinh lông có ở thân cây Một lá mầm.
- B. mô phân sinh bên có ở thân cây Một lá mầm, còn mô phân sinh lông có ở thân cây Hai lá mầm.
- C. mô phân sinh bên có ở thân cây Hai lá mầm, còn mô phân sinh lông có ở thân cây Một lá mầm.
- D. mô phân sinh bên và mô phân sinh lông có ở thân cây Hai lá mầm.

Câu 3: Trong sản xuất nông nghiệp, người ta nhổ mạ lên rồi cấy nhằm mục đích

- A. giúp cây lúa dễ nhánh tốt.
- B. làm đứt đỉnh rễ giúp bộ rễ phát triển mạnh.
- C. làm đất thoáng khí.
- D. kìm hãm sự phát triển của lúa chống lốp đổ.

Câu 4: Đặc điểm **không** có ở sinh trưởng sơ cấp là

- A. làm tăng kích thước chiều dài của cây.
- B. diễn ra hoạt động của tầng sinh bản.
- C. diễn ra cả ở cây Một lá mầm và cây Hai lá mầm.
- D. diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

Câu 5: Người ta sử dụng auxin tự nhiên (AIA) và auxin nhân tạo (ANA, AIB) nhằm mục đích

- A. kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, hạn chế tỉ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.
- B. kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỉ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.
- C. hạn chế ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.
- D. kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

Câu 6: Sinh trưởng thứ cấp là sự tăng trưởng bề ngang của cây

- A. do mô phân sinh bên của cây thân thảo tạo ra.
- B. do mô phân sinh bên của cây Một lá mầm tạo ra.
- C. do mô phân sinh bên của cây thân gỗ tạo ra.
- D. do mô phân sinh lông của cây tạo ra.

Câu 7: Khi nói về hai biện pháp: thắp đèn ban đêm ở các vườn trồng hoa cúc vào mùa thu và bắn pháo hoa ban đêm ở các đồng mía vào mùa đông, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Hai biện pháp này đều có tác dụng kìm hãm sự ra hoa.
- B. Hai biện pháp này đều có tác dụng kích thích sự ra hoa.
- C. Biện pháp thắp đèn vào ban đêm ở các vườn trồng cúc vào mùa thu có tác dụng kìm hãm sự ra hoa và bắn pháo hoa ban đêm ở các đồng trồng mía vào mùa đông có tác dụng kích thích sự ra hoa.
- D. Biện pháp thắp đèn vào ban đêm ở các vườn trồng cúc vào mùa thu có tác dụng kích thích sự ra hoa và bắn pháo hoa ban đêm ở các đồng trồng mía vào mùa đông có tác dụng kìm hãm sự ra hoa.

Câu 8: Cho thí nghiệm sau:

- Bước 1. Trồng vài hạt lạc, đỗ, ngô,... đang nảy mầm vào chậu chứa đất ẩm.
- Bước 2. Để nơi có ánh sáng và tưới hằng ngày.
- Bước 3. Theo dõi và dùng thước đo chiều dài thân cây sau 3 ngày, 6 ngày, 9 ngày.
- Bước 4. Nhận xét kết quả và rút ra kết luận.

Thí nghiệm được thực hiện nhằm

- A. chứng minh cây có sự sinh sản.
- B. chứng minh cây có sự sinh trưởng.

C. chứng minh cây có sự phát triển.

D. chứng minh cây có sự cảm ứng.

Câu 9: Sinh trưởng ở thực vật là quá trình

A. gia tăng về số lượng của cơ thể do tăng số lượng và kích thước tế bào.

B. gia tăng về kích thước của cơ thể do tăng số lượng và kích thước tế bào.

C. gia tăng về kích thước của cơ thể do giảm số lượng và kích thước tế bào.

D. gia tăng về kích thước của cơ thể do tăng kích thước tế bào.

Câu 10: Mô phân sinh là

A. nhóm tế bào phân hóa, không có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật.

B. nhóm tế bào chưa phân hóa, có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật.

C. nhóm tế bào chưa phân hóa, không có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật.

D. nhóm tế bào phân hóa, có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật.

Câu 11: Quá trình phát triển ở thực vật có hoa là?

A. Sự thay đổi về hình thái, cấu tạo mô, cơ quan.

B. Sự thay đổi về cấu trúc gene.

C. Sự thay đổi về các amino acid.

D. Sự thay đổi về hình thái, cấu trúc các protein.

Câu 12: Nhóm hormone ức chế gồm

A. Absciscic acid, Cytokinin

B. Absciscic acid, Ethylene

C. Cytokinin, Methylene

D. Ethylene, Gibberellin

Câu 13: Hormone ở thực vật là

A. các chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng điều tiết hoạt động sống của cây.

B. các chất hữu cơ do cơ thể thực vật nhận từ ngoài vào có tác dụng điều tiết hoạt động sống của cây.

C. các chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng kích thích sinh trưởng của cây.

D. các chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng kháng bệnh cho cây.

Câu 14: Thế nào là sinh trưởng sơ cấp?

A. Là quá trình biến đổi về chất lượng các cấu trúc và chức năng sinh hóa của tế bào làm cây ra hoa, kết quả, tạo hạt.

B. Là quá trình cây phân chia lớn lên.

C. Là quá trình tăng lên về khối lượng tế bào.

D. Là quá trình tăng lên về số lượng tế bào.

Câu 15: Khi nói về sinh trưởng thứ cấp, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Sinh trưởng thứ cấp là sự gia tăng về chiều dài của cơ thể thực vật.

B. Sinh trưởng thứ cấp là do hoạt động của mô phân sinh bên.

C. Sinh trưởng thứ cấp có ở tất cả các loài thực vật hạt kín.

D. Sinh trưởng thứ cấp chỉ có ở thực vật một lá mầm.

BÀI 21. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT

Câu 1: Trong các yếu tố sau, yếu tố nào là tác nhân ảnh hưởng mạnh mẽ nhất lên quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật và người?

A. Thức ăn

B. Nhiệt độ môi trường

C. Độ ẩm

D. Ánh sáng

Câu 2: Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là trường hợp ấu trùng phát triển

A. hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành.

B. chưa hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành.

C. chưa hoàn thiện, qua một lần lột xác ấu trùng biến thành con trưởng thành.

D. chưa hoàn thiện, qua nhiều lần lột xác ấu trùng biến thành con trưởng thành

Câu 3: Đối với gia súc, ở mùa có khí hậu lạnh thì sự sinh trưởng và phát triển chậm hơn mùa có khí hậu thích hợp. Nguyên nhân chủ yếu là vì

- A. thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hóa, sinh sản giảm.
- B. cơ thể mất nhiều năng lượng để duy trì thân nhiệt.
- C. thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hóa trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng.
- D. thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hóa trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

Câu 4: Ở trẻ em, nếu cơ thể dư thừa loại hoocmon nào sau đây thì sẽ gây bệnh không lồ?

- A. Hormone sinh trưởng (GH).
- B. Hormone insulin.
- C. Hormone glucagon.
- D. Hormone thyroxine.

Câu 5: Loại hoocmon nào sau đây liên quan đến bệnh bướu cổ?

- A. Hormone sinh trưởng (GH).
- B. Hormone insulin.
- C. Hormone glucagon.
- D. Hormone thyroxine.

Câu 6: Quá trình phát triển của động vật đẻ con gồm giai đoạn

- A. Phôi
- B. Phôi và hậu phôi
- C. Hậu phôi
- D. Phôi thai và sau khi sinh

Câu 7: Sinh trưởng của cơ thể động vật là quá trình tăng kích thước của

- A. các hệ cơ quan trong cơ thể.
- B. cơ thể do tăng kích thước và số lượng tế bào.
- C. các mô trong cơ thể.
- D. các cơ quan trong cơ thể.

Câu 8: Phát triển của cơ thể động vật là

- A. quá trình tiến hóa bao gồm sinh trưởng, phân hóa (biệt hóa) tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.
- B. quá trình biến đổi bao gồm sinh trưởng, phân hóa (biệt hóa) tế bào và thu gọn hình thái các cơ quan và cơ thể.
- C. quá trình biến đổi bao gồm sinh trưởng, tiến hóa (biệt hóa) tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.
- D. quá trình biến đổi bao gồm sinh trưởng, phân hóa (biệt hóa) tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.

Câu 9: Nguyên nhân chủ yếu của tuổi dậy thì là gì?

- A. Hoạt động tăng testosterone ở nữ và tăng estrogen ở nam.
- B. Hoạt động tăng testosterone ở nam và tăng estrogen ở nữ.
- C. Hoạt động tăng testosterone ở cả nam và nữ.
- D. Hoạt động tăng estrogen ở cả nữ và nam.

Câu 10: Quá trình phát triển của động vật đẻ trứng gồm giai đoạn?

- A. Phôi.
- B. Phôi và hậu phôi.
- C. Hậu phôi.
- D. Phôi thai và sau khi sinh.

Câu 11: Kiểu phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà còn non có đặc điểm hình thái

- A. sinh lý rất khác với con trưởng thành.
- B. cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý.
- C. cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành.
- D. cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.

Câu 12: Ở động vật sinh con và con người các giai đoạn sinh trưởng và phát triển là?

- A. Giai đoạn tiền thai và giai đoạn sinh con.
- B. Giai đoạn phôi và hậu phôi.
- C. Giai đoạn mang thai và giai đoạn nuôi con.
- D. Giai đoạn trước khi mang thai và giai đoạn sau khi sinh con.

Câu 13: Nhân tố quan trọng quyết định sự sinh trưởng và phát triển của động vật là

- A. yếu tố di truyền.
- B. hoocmôn.
- C. thức ăn.
- D. nhiệt độ và ánh sáng.

Câu 14: Sinh trưởng và phát triển không qua biến thái chủ yếu xảy ra ở đối tượng nào sau đây?

- A. Hầu hết các động vật không xương sống.
- B. Hầu hết các động vật có xương sống.
- C. Tất cả các loài động vật không xương sống và động vật có xương sống.
- D. Chân khớp, ruột khoang và giáp xác.

Câu 15: Cho các dấu hiệu sau:

- (1) Con bò tăng khối lượng từ 50kg đến 100kg
- (2) Con gà trống mọc mào
- (3) Con gà mái đẻ trứng
- (4) Con rắn tăng chiều dài cơ thể thêm 20 cm

Số dấu hiệu biểu hiện sự sinh trưởng của động vật là

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 16: Trình tự các giai đoạn trong vòng đời của bướm lần lượt là

- A. trứng → sâu bướm → kén → bướm trưởng thành.
- B. trứng → kén → sâu bướm → bướm trưởng thành.
- C. sâu bướm → kén → bướm trưởng thành → trứng.
- D. kén → sâu bướm → bướm trưởng thành → trứng.

Câu 17: Hoocmôn sinh trưởng có vai trò

- A. Tăng cường quá trình sinh tổng hợp protein, do đó kích thích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- B. kích thích chuyển hóa ở tế bào và sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- C. kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- D. kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 18: Giai đoạn trẻ em, nếu cơ thể thiếu hoocmon tiroxin thì sẽ gây hậu quả

- A. Các đặc điểm sinh dục phụ kém phát triển.
- B. Các đặc điểm sinh dục phụ phát triển nhanh hơn bình thường.
- C. Người nhỏ bé hoặc khổng lồ.
- D. Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém phát triển.

Câu 19: Trong quá trình phát triển ở động vật, trong giai đoạn phát triển phôi có các giai đoạn kế tiếp nhau là:

- A. Phân cắt trứng - Phôi vị - Phôi nang - Mầm cơ quan.
- B. Phân cắt trứng- Phôi nang- Phôi vị - Mầm cơ quan.
- C. Phân cắt trứng - Mầm cơ quan- Phôi vị- Phôi nang.
- D. Phân cắt trứng - Mầm cơ quan - Phôi nang - Phôi vị.

Câu 20: Testosterone được sinh sản ra ở

- A. tuyến giáp.
- B. tuyến yên.
- C. tinh hoàn.
- D. buồng trứng.

B. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Giải thích cơ chế tác dụng giảm đau của các loại thuốc giảm đau Paracetamol và Aspirin, Morphin và Oxycodone.

Câu 2. Tại sao khi hệ thần kinh bị tổn thương có thể ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan khác trong cơ thể? Từ đó, hãy cho biết ý nghĩa quan trọng của việc bảo vệ sức khỏe hệ thần kinh.

Câu 3. Vào những ngày mùa đông, chim cánh cụt thường có tập tính quần tụ lại với nhau thành một vòng tròn và di chuyển liên tục. Đây là loại tập tính gì? Tập tính này có ý nghĩa gì đối với chim cánh cụt?

Câu 4. Tại sao cho trẻ nhỏ tắm nắng vào sáng sớm hoặc chiều tối (khi ánh sáng yếu) lại có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của chúng?

Câu 5. Tại sao vào những ngày mùa đông, chúng ta cần cho gia súc ăn nhiều hơn?

Câu 6. Những người bị bệnh lùn do thiếu GH nên tiêm hormone này ở giai đoạn nào? Vì sao?

---o0o---